

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **192/2025/DS-ST**.

Ngày: 29/9/2025.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Danh Sà Khol.

2/ Ông Đỗ Văn Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Tấn Lực - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2025/TLST-DS, ngày 24 tháng 06 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 100/2025/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 08 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* **Ngân hàng C (NHCSXH)**; Địa chỉ: số A phố L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Dương Quyết T**, chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Hoàng T1**, chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng C - theo văn bản ủy quyền số 32/QĐ-PGD ngày 25/4/2022; Địa chỉ: số A ấp Đ, xã H, tỉnh An Giang (có mặt).

2/ *Bị đơn:* Ông **Lê Mẫn X**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: ấp H, xã M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Phụng L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp H, xã M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Hoàng T1 trình bày:*

Ngày 10/07/2010, hộ ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L được Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam/Phòng giao dịch NHCSXH huyện C xét cho vay theo chương trình: Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*), lãi suất vay: 0,9%/tháng, mục đích vay vốn: xây nhà vệ sinh, hệ thống nước.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, hộ ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L không thực hiện việc trả nợ khi đến hạn thanh toán. Mặc dù được cán bộ Ngân hàng cùng chính quyền địa phương thông báo và làm việc với ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L nhiều lần về việc đến hạn trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông X và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 24/3/2025 tổng số tiền gốc, lãi mà ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L phải trả cho Ngân hàng là 12.008.604 đồng (trong đó, gốc: 8.000.000 đồng; lãi: 4.008.604 đồng).

Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 24/3/2025 là 12.008.604 đồng và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay mà hai bên đã ký kết.

Tại phiên tòa, ông Trần Hoàng T1 là người đại diện theo ủy quyền Ngân hàng yêu cầu ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L phải trả cho Ngân hàng C số tiền còn nợ tính đến ngày 24/3/2025 là 12.008.604 đồng (trong đó, gốc: 8.000.000 đồng; lãi: 4.008.604 đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 25/03/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

** **Bị đơn Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L:*** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ đạt thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của

ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4:*

- Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

- Buộc ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L phải trả cho Ngân hàng C số tiền 12.008.604 đồng (trong đó, gốc: 8.000.000 đồng, lãi: 4.008.604 đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 25/03/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, Ngân hàng C yêu cầu ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản; bị đơn ông Lê Mẫn X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Phụng L có nơi cư trú tại ấp H, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang cũ (nay là ấp H, xã M, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về việc “Hướng dẫn áp dụng một số

quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân”.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Lê Mẫn X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Phụng L đã được Toà án triệu hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*: Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án HĐXX có cơ sở xác định như sau:

Ngày 10/07/2010, ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L được Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam/Phòng giao dịch NHCSXH huyện C xét cho vay theo chương trình: Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với số tiền là: 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*); Phía Ngân hàng C đã giải ngân đủ số tiền trên cho gia đình ông X và bà L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông X và bà L đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo định kỳ cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã gia hạn khoản vay trên nhiều lần nhưng khi đến hạn thanh toán thì ông X và bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, do đó tính đến thời điểm hiện nay món vay này đã quá hạn thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu ông X và bà L phải trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng C.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, HĐXX thấy rằng yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ; phía Ngân hàng có cung cấp cho Tòa án sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đề ngày 14/06/2010 có chữ viết họ tên và ký tên của ông X bên vay và chữ viết họ tên và ký tên của bà L bên người thừa kế, sổ vay vốn có sự xác nhận của chính quyền địa phương, các tài liệu này đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều này cho thấy ông X và bà L có vay tiền của Ngân hàng C theo chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn số tiền gốc 8.000.000 đồng và hiện nay theo phía Ngân hàng cho rằng ông X và bà L vẫn chưa thanh toán; Thực hiện hợp đồng trên phía Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân vốn vay cho hộ ông X và bà L. Tuy nhiên, bên vay lại không thực hiện đúng nghĩa vụ trả gốc và lãi cho Ngân hàng khi đến hạn.

Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 HĐXX buộc Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng C số tiền tính đến ngày 24/3/2025 là 12.008.604 đồng (trong đó, gốc: 8.000.000 đồng và lãi: 4.008.604 đồng) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 25/03/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 phát biểu tại phiên tòa là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án thì ông X và bà L phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng C.

Ngân hàng C khởi kiện thuộc trường hợp không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc ông Lê Mẫn X, bà Nguyễn Thị Phương L phải trả cho Ngân hàng C với tổng số tiền là 12.008.604 đồng (*Mười hai triệu không trăm lẻ tám nghìn sáu trăm lẻ bốn đồng*) và tiền lãi phát sinh theo giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay mà hai bên đã ký kết, thời gian tính lãi tiếp từ ngày 25/03/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng.

2/ Về án phí DSST: Buộc ông Lê Mẫn X và bà Nguyễn Thị Phụng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*).

3/ Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/09/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS ND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**